TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BUÔN ĐÔN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HSST
Ngày 21 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lam Điền, bà Nông Thị Hảo.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:* Bà Vi Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/HSST ngày 28 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo: Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/10/2003, tại tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976. Hiện đang sinh sống tại thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HSST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tuyên phạt Nguyễn Văn L 01 năm, 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/8/2024, đến ngày 12/8/2024 tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Tr, sinh năm 1952.

Cùng trú tại: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

+ Anh Đặng Hoàng T, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn 07, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2024 đến tháng 7/2024, Nguyễn Văn L đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 3/2024 (không nhớ ngày cụ thể) trong lúc ở nhà một mình, L thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 47D1 – 470.86, nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 phân khối, vỏ màu đen là tài sản của anh trai ruột của L là Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 để ở nhà tại thôn 6, xã E, huyện B, có cắm sẵn chìa khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này làm phương tiện đi lại. Lợi dụng anh T đi vắng, L đã trộm cắp chiếc xe này và sử dụng làm phương tiện đi đến huyện C để chơi với bạn. Tối cùng ngày anh T về nhà, phát hiện mất xe, nghi vấn L trộm cắp nên gọi điện cho L nhưng L không nhận cuộc gọi, anh T đã thông qua thiết bị định vị xác định được vị trí của xe đang ở huyện C nên đến tìm xe thì gặp L cùng chiếc xe nên đã giữ xe lại rồi gọi bố mẹ đến đưa xe về. Chiếc xe trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh T, do anh T mua lại tại một tiệm cầm đồ tại thị trấn B, huyện K vào tháng 02/2024 với giá 10.000.000 đồng, chưa làm thủ tục đăng ký lại, sau khi lấy lại được xe, đến tháng 4/2024 anh T đã bán lại chiếc xe cho người khác với giá 11.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô biển kiểm soát 47D1-470.86, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER-2NDC, màu sơn Đen, số máy: G3D4E1033233, số khung: RLCUG1010LY262202 tại thời điểm tháng 3/2024 là 20.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng cuối tháng 6/2024, khi ở nhà một mình tại thôn 6, xã E, huyện B, lợi dụng việc mẹ mình là bà Nguyễn Thị Th, Sinh năm 1976 đi vắng, do đã để ý từ trước và biết bà Th cất giấu tiền mặt trong tủ tại phòng ngủ và giấu chìa khóa dưới tấm đệm của giường nằm, L đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà Th. L dùng chìa khóa mở tủ và lấy tiền mặt trong tủ mang đi tiêu xài cá nhân. Số tiền L trộm cắp được là 46.000.000 đồng, L đã chi tiêu hết khoảng 6.000.000 đồng, sau khi phát hiện mất tiền, bà Th cùng anh Nguyễn Văn T tìm gặp L để lấy lại số tiền, bà Th kiểm đếm thì còn lại 40.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 03 giờ sáng ngày 01/7/2024, L có ý định trộm cắp tài sản nên đã đi lang thang trong khu vực thôn 6, xã E để tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà bà Lê Thị Tr (thường gọi là bà M), sinh năm 1952 ở cùng thôn, thấy trong sân để xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 47B1-165.47, Loại xe AIRBLADE không có người trông coi nên L tiếp cận chiếc xe, trên xe không có chìa khóa, Lập dùng chìa khóa mang theo cắm vào mở thử thì thấy mở được do ổ khóa đã bị hư nên đã trộm cắp chiếc xe trên, sau đó điều khiển chiếc xe trên đến đến phòng trọ thuê chung với Nông Văn Đ, sinh năm 2003, trú thôn 10, xã E, huyện B tại số 185, P. E, TP. B, sau đó cả hai cùng nhau sử dụng chiếc xe này để làm phương tiện đi lại và trộm cắp tài sản. Quá trình sử dụng, L đã tháo và vứt biển số xe dọc đường quốc lộ 14 và không xác định được vị trí vứt. Đến tối 31/7/2024 khi đi xe ở xã E thì hết xăng, không có

tiền đổ xăng nên L bỏ chiếc xe tại lề đường tỉnh lộ 5 đoạn thuộc thôn 6, xã E, huyện B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 12/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, Loại xe: AIRBLADE, màu sơn: Trắng đen, số khung: RLHJF180058Y809648; số máy: JF18E5418426 đã qua sử dụng là 6.500.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào giữa tháng 7/2024, L đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi bộ đến nhà ông Đặng Văn T, sinh năm 1965 ở thôn 7, xã E thì thấy trong sân có để 03 xe mô tô, cánh cổng đóng lại. L thò tay qua lỗ cánh cổng thì thấy có khóa bằng ổ khóa nhưng vẫn cắm chìa khóa trong ổ, nên L mở khóa vào trong, kiểm tra thấy trên chiếc xe mô tô BKS 47T1 – 004.11, nhãn hiệu Yamaha – Exciter có cắm sẵn chìa khóa trên xe nên L trộm cắp chiếc xe này và điều khiển đi đến phòng trọ tại TP. B gặp Đ, nói cho Đ biết việc đã trộm được chiếc xe này. Khoảng 2-3 ngày sau, Đ đăng tin bán xe trên tài khoản Facebook, đến chiều cùng ngày có người mua nên L và Đ điều khiển xe đi đến điểm hẹn ở cách đầu cầu 14 khoảng 200m – 300m, thuộc huyện C, tỉnh Đắk Nông, tại đây L và Đ giao dịch bán xe cho 02 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá được 3.000.000 đồng, số tiền này L và Đ cùng nhau tiêu xài hết. Xe mô tô trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông T, do ông Tám mua lại vào năm 2016 với giá 28.500.000 đồng và đã làm thủ tục đăng ký lại, thời điểm bị trộm thì xe do con trai ông T là anh Đặng Hoàng T, sinh năm 1995, đang quản lý, sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô biển kiểm soát 47T1-004.11, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn: Xanh-trắng, số máy: 55P1076225, số khung: 5P10CY076221 tại thời điểm tháng 7/2024 là 7.800.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã tạm giữ 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE, màu sơn: Trắng Đen, số khung: RLHJF18058Y809648, số máy: JF18E5418426, tình trạng hư hỏng một số bộ phận bên ngoài của xe.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 47D1 - 470.86 bị cáo Lập trộm cắp vào tháng 3/2024, sau đó đã được chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T lấy lại khi bị cáo chưa kịp tiêu thụ. Hiện chiếc xe trên đã được anh T bán cho người khác. Còn đối với chiếc xe mô tô mang BKS 47T1 - 004.11 sau khi trộm cắp bị cáo đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được hai chiếc xe mô tô trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L thừa nhận hành vi trộm cắp các tài sản nêu trên. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn L trộm cắp là 80.800.000 đồng (tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 28/CT-VKS-BĐ ngày 28/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, truy tố bị cáo Nguyễn Văn Lập về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn đã nêu và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, bị hại ông Đặng Hoàng T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản là 7.800.000 đồng, bà Lê Thị Tr yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản là 2.800.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn L đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn trình bày quan điểm luận tội đối với bị cáo: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chứng cứ buộc tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điền 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn L từ 03 năm 06 tháng, đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 03/8/2024.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà Lê Thị Tr 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE, màu sơn: Trắng Đen, số khung: RLHJF18058Y809648, số máy: JF18E5418426, tình trạng hư hỏng một số bộ phận bên ngoài của xe là chủ sở hữu hợp pháp.

Đề nghị truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 3.000.000 đồng, do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Hoàng T 7.800.000 đồng và bà Lê Thị Tr 2.800.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Đối với hành vi của Nông Văn Đ có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, hiện nay chưa xác định được Nông Văn Đ đang ở đâu, cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được với Đ. Mặt khác, hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nông Văn Đ xảy ra trên địa bàn thành phố B và huyện C, tỉnh Đắk Nông nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã có Công văn trao đổi thông tin liên quan đến tội phạm đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông biết, để phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì thêm đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị hại không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L; bị hại ông Đặng Hoàng T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th và bà Lê Thị Tr không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Thể hiện khoảng từ tháng 03/2024 đến giữa tháng 7/2024, Nguyễn Văn L đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn Đã nêu trên. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Buôn Đôn kết luận: Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn L trộm cắp là 80.800.000 đồng (tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

[2.1] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an trong khu vực. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, phải biết được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm bất hợp pháp sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 7/2024 bị cáo đã cố ý lén lút thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản.

Xét quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[4] Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn L có nhân thân xấu, có 01 tiền án (chưa được xóa án tích) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; trong thời gian từ tháng 03/2024 đến tháng 7/2024 bị cáo L thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản và mỗi lần đều có giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng, là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g và tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm, tương xứng với nhân thân bị cáo, nhằm để giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn L có 02 tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g và tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điền 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện khai báo các hành vi phạm tội khác khi chưa có đơn trình báo, thành khẩn khai báo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn về việc áp dụng hình phạt là tương xứng với hành vi, nhân thân của bị cáo nên cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc xử lý vật chứng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, nên cần chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Hoàng T 7.800.000 đồng và bà Lê Thị Tr 2.800.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Xét thấy ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[9] Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 3.000.000 đồng, do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản*"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 03/8/2024.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà Lê Thị Tr 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE, màu sơn: Trắng Đen, số khung: RLHJF18058Y809648, số máy: JF18E5418426, tình trạng hư hỏng một số bộ phận bên ngoài của xe là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đặng Hoàng T 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng); bà Lê Thị Tr 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 530.000 đồng (năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk lắk;*
- *VKS huyện Buôn Đôn;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Công an huyện Buôn Đôn;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Phòng Giám đốc kiểm tra I, TAND.CC Đà Nẵng;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự;*
- *Bị cáo; bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn